

Bản án số: 234/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2020.

Về việc: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Thìn

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP B tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1784/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐXX.ST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Nguyễn Thanh V, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: K1/45A, Kp3, P. BH, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Trần Thanh P, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: K1/45A, Kp3, P. BH, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà V, ông P có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 11/12/2019, bà Đỗ Nguyễn Thanh V nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đồng Nai giải quyết xin được ly hôn với ông Trần Thanh P. Lý do xin ly hôn, theo bà V trình bày: Qua thời gian tìm hiểu, đến năm 2017 bà V và ông P tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân P. BH, TP. B, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 116, quyền số 01 ngày 09/11/2017). Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau khá hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay bà V nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông P.

Về con chung: có 01 cháu tên Trần Quốc Thịnh, sinh ngày 07/12/2018, ly hôn bà nhận nuôi cháu Thịnh, không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai của ông P trình bày: Về quan hệ hôn nhân đúng như bà V đã khai, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường xuyên mâu thuẫn do không hợp nhau bất đồng quan điểm sống. Nay bà V xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: có một cháu có 01 cháu tên Trần Quốc Thịnh, sinh ngày 07/12/2018. Ly hôn ông đồng ý giao cháu Thịnh cho bà V nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Đỗ Nguyễn Thanh V xin ly hôn với ông Trần Thanh P, đương sự có nơi cư trú tại địa chỉ: K1/45A, Kp3, P. BH, TP. B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân TP. B có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn bà V, ông P có đơn đề nghị Tòa án cho vắng mặt tại phiên Tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Nguyễn Thanh V và ông Trần Thanh P tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân P. BH, TP. B, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 116, quyển số 01 ngày 09/11/2017), theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, bà V nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với ông P, theo như bà V trình bày quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, vợ chồng không còn sự quan tâm, gần gũi, chia sẻ và không còn niềm tin đối với nhau, giữa bà V và ông P chỉ tồn tại với nhau về mặt pháp lý, còn tình cảm vợ chồng thì thật sự không còn, nên bà yêu cầu ly hôn với ông P. Theo như ông P trình bày vợ chồng sống chung không hạnh phúc do không hợp nhau bất đồng quan điểm sống nên xảy ra mâu thuẫn nay ông đồng ý ly hôn với bà V.

Quá trình giải quyết vụ án, bà V và ông P có đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Theo đơn khởi kiện và bản tự khai bà V vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông P. Hội đồng xét xử nhận

thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông P và bà V mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V, giải quyết cho bà V được ly hôn với ông P để trả tự do cả hai.

[4] Về con chung: Có một cháu Trần Quốc Thịnh, sinh ngày 07/12/2018, bà V có nguyện vọng nuôi. Ông P cũng đồng ý giao cháu Thịnh cho bà V nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử giao cháu Thịnh cho bà V là phù hợp.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: do bà V không yêu cầu nên tạm thời ông P không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: để bà V, ông P khai không có, không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà V, ông P khai không có, nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, bà V phải nộp 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu “Ly hôn, con chung” của bà Đỗ Nguyễn Thanh V

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Nguyễn Thanh V được ly hôn với ông Trần Thanh P.

2. Về con chung: Giao Trần Quốc Thịnh, sinh ngày 07/12/2018 cho bà V trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, tạm thời ông P không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ông P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà V trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung: không có; nợ chung: xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Bà Đỗ Nguyễn Thanh V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, theo biên lai thu số 0009921 ngày 27/7/2020.

5. Bà Đỗ Nguyễn Thanh V và ông Trần Thanh P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND TP B (2);
- THADS TP B (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND phường Tân Biên, TP. B, tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

Phan Thị Thu Thương